

THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý công ty

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác với Quý Công ty.

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình đang có nhu cầu Mua sắm vật tư y tế chuyên khoa chấn thương chỉnh hình năm 2026-2028 để phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện.

Kính mời Quý công ty có năng lực kinh nghiệm cung ứng hàng hóa theo yêu cầu, quan tâm cung cấp báo giá làm cơ sở cho công tác xây dựng giá gói thầu Mua sắm vật tư y tế chuyên khoa chấn thương chỉnh hình năm 2026-2028.

1. Danh mục mời báo giá:

- Theo mẫu Phụ lục đính kèm Thông báo.

2. Hồ sơ báo giá:

- Đầy đủ các cột mục theo Phụ lục báo giá đính kèm Thông báo.
- Giá trong báo giá là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan
- Hiệu lực báo giá: tối thiểu 06 tháng kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.
- Bản chính Bảng báo giá phải có chữ ký, đóng dấu của người đại diện hợp pháp.

3. Thời gian nộp báo giá, hình thức gửi báo giá và nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá:

3.1. Thời hạn nộp báo giá:

- Từ ngày đăng thông báo đến hết ngày 04/03/2026.

3.2. Hình thức gửi báo giá:

- Bản giấy Hồ sơ báo giá gửi về nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá theo Thông báo.
- Gửi file và bản scan báo giá có đóng dấu qua email (Tiêu đề mail theo cấu trúc: Baogia-VTYTNGOAI2026-2028-Tên công ty)

3.3. Nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá:

- Khoa Dược – Vật tư, thiết bị y tế; Địa chỉ: số 605 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại liên hệ: 38.119.936; Di động: 0903.297.137 (Ds.Vân).

- Email: vtyttanbinh@gmail.com

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website BV;
- TMS;
- Lưu VT, K.Dược.



Bs. CKH. Võ Văn Hùng

Điện thoại liên hệ:

DANH MỤC HÀNG HÓA BÁO GIÁ

REV
KHE
ANF

DANH MỤC BỆNH VIỆN YÊU CẦU										DANH MỤC BẢO GIẢ CỦA CÔNG TY									
STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo NB CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)		
7	Nẹp khớp da hướng đầu dưới cứng chân II (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 5/6/7/8/9/10/11/12/13/16. Chiều dài: 124/137/150/163/176/189/202/215/228mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 6 lỗ vít khớp da hướng (ổ vít khớp da hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh). 2 lỗ vít khớp hình số tám(ổ vít kết hợp vít khớp hoặc vít neo ép). + Sử dụng vít khớp đường kính 4,0mm và vít vô đường kính 4,0mm.	Cặp	12															
8	Nẹp khớp da hướng đầu dưới xương mức các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/9. Chiều dài: 74/86/98/110/122/134mm. - Đặc tính: nẹp nặng, đầu nẹp có móc giúp cố định chỗ gãy xương lớn hơn và có 3 lỗ vít khớp da hướng(ổ vít khớp da hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh). nẹp 16 vít hình tròn (có thể sử dụng vít khớp hoặc vít vô). + Sử dụng vít khớp đường kính 4,0mm và vít vô đường kính 4,0mm.	Cặp	20															
9	Nẹp khớp da hướng đầu trên mắt cá chân (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/5/6/7/8/9/10/11/13/6. Chiều dài: 99/139/159/179/199/219/239/259/299mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 6 lỗ vít khớp da hướng (ổ vít khớp da hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh). thân nẹp 16 vít hình số tám (ổ vít kết hợp vít khớp hoặc vít neo ép) và 16 vít hình tròn. chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khớp đường kính 5,0mm và vít vô đường kính 5,0mm.	Cặp	20															
10	Nẹp khớp da hướng đầu xa xương đòn (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/6. Chiều dài: 72/84/96/108/120/132/144mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ S, đầu nẹp có 6 lỗ vít khớp da hướng (ổ vít khớp da hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh). thân nẹp 16 vít hình tròn (có thể sử dụng vít khớp hoặc vít vô). + Sử dụng vít khớp đường kính 2,7mm/4,0mm và vít vô đường kính 2,7/4,0mm.	Cặp	10															
11	Nẹp khớp da hướng khớp cùng đòn (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/9/10/6. Chiều dài: 61/71/81/91/101/111/121/131mm. - Đặc tính: Đầu nẹp là hình tam giác có móc, có 2 lỗ vít khớp da hướng (ổ vít khớp da hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh) và 1 lỗ vít hình tròn. thân nẹp 16 vít hình tròn (có thể sử dụng vít khớp hoặc vít vô) và 1 lỗ vít dùng để neo ép. + Sử dụng vít khớp đường kính 4,0mm và vít vô đường kính 4,0mm.	Cặp	10															
12	Nẹp khớp da hướng ổ lồi chậu đùi (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12/13/6. Chiều dài: 139/159/179/199/219/239/259/279/299/319mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 7 lỗ vít khớp da hướng (ổ vít khớp da hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh). thân nẹp 16 vít hình số tám (ổ vít kết hợp vít khớp hoặc vít neo ép) và 16 vít hình tròn. + Sử dụng vít khớp đường kính 5,0mm và vít vô đường kính 5,0mm.	Cặp	4															

DANH MỤC BẢO GIÀ CỦA CÔNG TY																	
STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/ND-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thành tiền (ĐVT: đồng)
13	Nẹp khóa da hướng T nhỏ các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6 lỗ. Chiều dài: 45/56/67/78mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ T, đầu nẹp có 4 lỗ vít khóa da hướng (lỗ vít khóa da hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vò). + Sử dụng vít khóa đường kính 4,0mm và vít vò đường kính 4,0mm.	Cái	30													
14	Nẹp khóa da hướng xương đòn S (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 6/78/9/10 lỗ. Chiều dài: 69/81/93/105/117mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ S, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khóa da hướng (lỗ vít khóa da hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vò). + Sử dụng vít khóa đường kính 4,0mm và vít vò đường kính 4,0mm.	Cái	48													
15	Vít khóa 2.0 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2,0mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22mm. - Đặc tính: vít tự tảo, đầu vít hình tam giác. Dùng tuốc nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren ((full thread).	Cái	160													
16	Vít khóa 2.7 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2,7mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22/24/26/28/30mm và 35/40/45/50/55/60mm. - Đặc tính: vít tự tảo, đầu vít hình ngôi sao. Dùng tuốc nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren ((full thread).	Cái	350													
17	Vít khóa 4.0 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4,0mm, chiều dài: 12/14/16/18/20/22/24/26/28/30/32/34/36/38/40/42/44/46/48/50/52/54/56/58/60mm. - Đặc tính: vít tự tảo, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren ((full thread).	Cái	550													
18	Vít khóa 5.0 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 5,0mm, chiều dài: 18/20/22/24/26/28/30/32/34/36/38/40/42/44/46/48/50/52/54/56/58/60mm và 65/70/75/80/85/90mm. - Đặc tính: vít tự tảo, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren ((full thread).	Cái	100													
19	Vít vò (titanium) 2.0 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2,0mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22mm. - Đặc tính: vít tự tảo, đầu vít hình tam giác. Dùng tuốc nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren ((full thread).	Cái	20													
20	Vít vò 2.7 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2,7mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22/24/26/28/30mm. - Đặc tính: vít tự tảo, đầu vít hình ngôi sao. Dùng tuốc nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren ((full thread).	Cái	50													
21	Vít vò 4.0 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4,0mm, chiều dài: 12/14/16/18/20/22/24/26/28/30/32/34/36/38/40/42/44/46/48/50/52/54/56/58/60mm. - Đặc tính: vít tự tảo, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren ((full thread).	Cái	30													



DANH MỤC BỆNH VIỆN YÊU CẦU					DANH MỤC BẢO GIẢ CỦA CÔNG TY											
STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Nam sản xuất	Kỳ mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND (DVT: đồng)	Thành tiền (DVT: đồng)
22	Vít vò 5.0 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy; - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: 1820/2224/2628/3032/3436/3840/4244/4648/5052/5456/5860mm và 65/70/75/80/85/90mm. - Đặc tính: vít tự tạc, đầu vít hình lục giác. Dùng nước rửa vít hình lục giác. Thấm toàn ren (full thread).	Cái	10												
Tổng cộng thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí khác có liên quan)																

- Hiệu lực của báo giá: từ ngày 6 tháng kể từ ngày 04/03/2026

- * Ghi chú:**
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng
 - Giá ở cột 12 là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan.
 - Công ty bảo giá phải cung cấp đủ các mặt hàng trong danh mục.
 - Các cột có dấu (*) là các cột buộc phải có thông tin, để nghị công ty bảo giá đầy đủ.

Ngày tháng năm 2025
Đại diện Công ty
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

